

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2021/DS-ST

Ngày: 09 – 7 – 2021.

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Oanh, ông Ngô Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 898/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 310/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2021/QĐST-DS ngày 21/6/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Dương Văn N.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Bà L có mặt, ông N đã ủy quyền cho Bà L tại văn bản ủy quyền ngày 03/12/2020.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V.

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:**

Tôi và bà Nguyễn Thị V có quen biết nên bà V có mượn tiền của tôi tổng cộng 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/4/2019, bà V mượn của tôi số tiền 52.500.000đ, thỏa thuận miệng lãi suất là 2.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Bà V hẹn bán nhà xong thì trả.

Lần 2: Ngày 01/6/2019, bà Nguyễn Thị V mượn của tôi số tiền 50.000.000đ, chúng tôi thỏa thuận miệng tiền lãi là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, bà V hẹn một tháng sau trả.

Lần 3: Ngày 05/6/2019, bà V mượn thêm 22.000.000đ, thỏa thuận miệng lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, bà V hẹn một tháng sau trả.

Kể từ ngày vay đến nay bà V chưa trả cho tôi khoản tiền gốc cũng như lãi nào.

Ngoài khoản vay trên bà V còn vay của tôi số tiền 188.000.000đ, đây là tiền hốt huê. Tuy nhiên, số tiền này không được lập giấy tờ vay mà chỉ cho vay bằng miệng nên tôi không yêu cầu bà V trả cho tôi số tiền này. Trong lần vay vào ngày 25/4/2019, tôi có tự ý ghi thêm 6.000.000đ vào trong giấy vay. Đây là khoản tiền tôi cho bà V vay riêng nhưng không lập giấy tờ vay. Sau đó tôi đã tự ý viết thêm số tiền này vào trong giấy vay tiền ngày 25/4/2019. Do đó, tôi cũng không yêu cầu bà V phải trả cho tôi số tiền này mà chỉ yêu cầu bà V trả cho tôi 46.500.000đ.

Tôi không yêu cầu chồng bà V là ông S có trách nhiệm cùng bà V trả tiền cho tôi. Vì việc vay tiền giữa tôi với bà V chỉ có một mình bà V vay tiền, viết và ký giấy vay tiền.

Tại phiên tòa hôm nay tôi chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả cho tôi số tiền 118.500.000đ (Một trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất. Tôi xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 194.000.000đ.

*** *Tại bản tự khai ngày 07/01/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:***

Tôi có quen biết với bà Nguyễn Thị Thanh L chủ huê cho vay. Tôi có vay của Bà L 03 lần; Lần 01 vay 46.500.000đ, lãi suất 1.000.000đ ngày 2.000đ làm ăn cá nhân của tôi nhưng thất bại không có tiền trả gốc, tôi cứ trả lãi đóng tháng cho Bà L. Tôi trả được 20 tháng lãi là 55.200.000đ. Sau đó Bà L cho tôi mượn thêm 50.000.000đ nữa, lãi suất 1.000.000đ ngày 3.000đ với mượn thêm 22.000.000đ nữa với lãi suất 1.000.000đ ngày 3.000đ. Tôi đã trả được hai tháng là 12.960.000đ. Tôi không có tiền trả lãi nữa nên Bà L khởi kiện tôi ra Tòa án. Bà L cho vay nặng lãi còn có hành vi gian lận, ghi thêm vào giấy mượn tiền của tôi 6.000.000đ nữa tôi không đồng ý. Khi nào tôi làm có tiền tôi sẽ trả cho Bà L, mong Bà L bớt chút ít tiền lãi. Hoàn cảnh của tôi quá khổ, không còn nhà để ở nữa. Việc vay mượn này là việc làm ăn riêng giữa tôi với Bà L, chồng tôi không hề biết việc vay mượn tiền này. Vì đây là tiền chơi huê với Bà L không liên quan đến chồng tôi. Đối với số tiền 6.000.000đ tại giấy vay tiền ngày 25/4, số tiền này tôi không được vay và do Bà L tự ý viết thêm vào. Tại thời điểm tôi ký giấy nhận nợ thì chưa có 6.000.000đ này. Sau này Bà L mới viết thêm vào, Bà L viết vào thời điểm nào thì tôi hoàn toàn không biết. Thực tế tôi chỉ nợ Bà L tổng số tiền 118.500.000đ nên tôi không đồng ý với nội dung khởi kiện của Bà L.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk:**

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 466 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N. Buộc bà Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N số tiền nợ gốc 118.500.000đ. Bà L, ông N không yêu cầu lãi suất nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N đối với số tiền 194.000.000đ. Bà L ông N được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N có đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý

do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N yêu cầu bà Nguyễn Thị V trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N số tiền đã vay là 118.500.000đ và không yêu cầu bà V phải trả lãi suất. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị V thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N một số tiền vào năm 2019 chia làm 03 lần vay cụ thể: Lần 01 vào ngày 25/4/2019: Vay số tiền 46.500.000đ, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000đ/1.000.000đ/1 ngày, hẹn bán nhà xong thì trả; Lần 2 vay số tiền 50.000.000đ, thỏa thuận miệng tiền lãi là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, bà V hẹn một tháng sau trả; Lần 3 vay số tiền 22.000.000đ, thỏa thuận miệng lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/1 ngày, bà V hẹn một tháng sau trả. Việc vay tiền được các bên lập thành giấy vay. Nguyên đơn và bị đơn cùng thừa nhận việc vay số tiền trên và việc vay tiền không liên quan đến chồng bà V nên Bà L không yêu cầu chồng bà V cùng có trách nhiệm trả nợ với bà V.

Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định bà Nguyễn Thị V có vay số tiền 118.500.000đ của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N và chưa trả cho Bà L tiền lãi cũng như tiền gốc nào. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng là phù hợp theo quy định của pháp luật. Bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bên vay theo định tại khoản 1, Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị V trả nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 07/01/2021, bà Nguyễn Thị V thừa nhận đã vay số tiền 118.500.000đ của bà Nguyễn Thị Thanh L. Do đó, có căn cứ buộc bà Nguyễn Thị V trả số tiền còn nợ là 118.500.000đ cho bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N. Bà V cũng cho rằng bà đã trả cho Bà L số tiền lãi của các lần vay với tổng số tiền là 68.160.000đ. Tuy nhiên, bà V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc trả số tiền lãi trên. Bà V cũng vắng mặt tại các phiên đối chất, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, không có căn cứ để xem xét đối với ý kiến trên của bà V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 194.000.000đ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Bà L là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, 218, 219, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà L. Bà Nguyễn Thị Thanh L, ông

Dương Văn N được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Vui phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N.

[1] Buộc bà Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N số tiền vay gốc 118.500.000đ (*Một trăm mười tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

[2] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N về việc buộc bà Nguyễn Thị V trả số tiền 194.000.000đ (*Một trăm chín mươi tư triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N được quyền khởi kiện lại đối với số tiền trên theo quy định của pháp luật.

[3] Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Dương Văn N không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.925.000đ (*Năm triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh L số tiền 7.812.500đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0016153 ngày 29/10/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà